TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TPĐ
TỈNH TG
Bản án số:32/2021/DSST
Ngày: 13-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TPĐ – TỈNH TG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nhỏ.

2. Ông Ngô Văn Bi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TPĐ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TPĐ tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1984;

Địa chị: ấp B, xã P T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Ấp L, xã L T, huyện BĐ, tỉnh B T.

Tạm trú: Ấp T, xã T T, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

(Ông A, ông B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Tuấn A trình bày:

Năm 2016, ông A có bán thức ăn cho ông B. Đến ngày 05 tháng 8 năm 2016, thì ông A và ông B có thống nhất nợ lại với nhau thì ông B còn nợ lại ông A số tiền là 49.700.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Sau khi đối chiếu nợ thì tôi có lập hóa đơn bán hàng và ông B có ký tên ở chổ khách hàng. Khi bán hàng cho ông B thì ông An giao ở ấp Tân Đông, xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang là ở đầm tôm ông B. Việc ông B cho rằng do ông A không giao thức ăn tiếp tục dẫn đến việc ông B bị thiệt hại là không đúng. Vì ông A đã thông báo cho ông Be về việc không tiếp tục bán thức ăn cho ông B trước khi thả tôm vì ông B nợ tiền không trả cho ông A.

Nay ông A yêu cầu ông B trả số tiền là 49.700.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

Theo Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Trước đây ông B có mua thức ăn của ông A. Đến năm 2016, hai bên có chốt nợ lại ông B còn thiếu ông An số tiền là 49.700.000 đồng *(Bốn chín triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Biên nhận nợ do ông A cung cấp là do tôi ký tên. Sau đó, ông B có trả ông A số tiền là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*. Việc trả tiền cho ông A thì ông B gởi cho người làm thuê của ông An tại đầm tôm ông B, ông B cũng không biết họ tên và địa chỉ của người nhận tiền, việc trả tiền cũng không có làm giấy tờ, biên nhận. Nay còn thiếu lại số tiền là 44.700.000 đồng *(Bốn mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Khi còn nuôi tôm thì ông A bán hàng cho ông B và giao tại đầm tôm của tôi ở ấp T, xã T T, huyện TPĐ. Khi trả tiền nợ cho ông A thì có khi ông B trả tại đầm tôm và cũng có khi trả tại đại lý của ông A. Khi không trả nợ được thì ông A nói không bán thức ăn nữa nhưng ông B nghĩ là ông A nói chơi với tôi nhưng khi tôi thả tôm lại thì ông A không bán thức ăn tôm tiếp tục cho ông B. Vì vậy, ông B đã lỗ vụ tôm đó với số tiền là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông A thì ông B có ý kiến như sau: nếu như ông A bồi thường thiệt hại cho ông Be do ông An không tiếp tục bán thức ăn cho tôi thì ông B sẽ trả lại ông A số tiền còn thiếu là 44.700.000 đồng *(Bốn mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Nếu ông A không bồi thường thì ông B không đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng mua tài sản"* theo quy định tại

Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TPĐ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tuấn A yêu cầu ông Phạm Văn B trả cho ông A số tiền vốn gốc trả là 49.700.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông A cung cấp cho Tòa án "hóa đơn bán hàng" ngày 05 tháng 8 năm 2016 có chữ ký của ông Phạm Văn B xác nhận có nợ ông Lê Tuấn A số tiền là 49.700.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Ông B thừa nhận hóa đơn bán hàng đó là do ông ký tên và thừa nhận khi ký tên thì số tiền ông nợ ông A là 49.700.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông A yêu cầu ông B trả số tiền vốn gốc là 49.700.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)* là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét việc ông B cho rằng đã trả cho ông A số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*, việc trả tiền đưa cho người làm công của ông A. Tuy nhiên, ông A không thừa nhận việc ông B có trả tiền cho ông. Trong suốt quá trình tố tụng ông B không cung cấp được họ, tên người làm của ông A để Tòa án tiến hành xác minh làm rõ. Vì vậy, lời trình bày của ông B về việc đã trả cho ông A số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét việc ông B yêu cầu ông A phải bồi thường số tiền bị thiệt hại do ông A không tiếp tục bán thức ăn với số tiền là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* Hội đồng xét xử xét thấy ông A đã thông báo cho ông B về việc không tiếp tục bán thức ăn cho ông B trước khi ông B thả tôm ở vụ nuôi sau và hai bên không có thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại nếu như ông A không tiếp tục bán cho ông B. Vì vậy, yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông B không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Đối với yêu cầu xin trả dần của ông B mỗi tháng 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* không được ông A đồng ý. Việc trả dần ảnh hưởng đến quyền lợi của ông A nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc ông Phạm Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 430, 440 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tuấn A.

Buộc ông Phạm Văn B trả cho ông Lê Tuấn A số tiền vốn gốc là 49.700.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày ông Lê Tuấn A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn B chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc ông Phạm Văn B chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.485.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).*

- Hoàn lại cho ông Lê Tuấn A số tiền 1.242.500 đồng *(Một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 49674 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TPĐ.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện TPĐ;
- THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

VNH